**Phụ lục 6**

**PHÂN BỔ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN DỰ ÁN 6**

**BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH**

*(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NĐ-HĐND ngày / /2022*

*của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)*

1.Phân bổ vốn đầu tư:

a) Phân bổ cho sở, ban, ngành: 35% tổng vốn đầu tư của Dự án.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Theo phương pháp tính điểm của các tiêu chí như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Số điểm** | **Số lượng** | **Tổng** **số điểm** |
| 1 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng cho mỗi một điểm đến du lịch tiêu biểu | 7 | a | 7 x a |
| 2 | Hỗ trợ đầu tư bảo tồn mỗi một làng truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số | 60 | b | 60 x b |
| 3 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi | 2 | c | 2 x c |
| 4 | Hỗ trợ xây dựng mỗi một mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hoá di sản văn hoá phi vật thể trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch | 60 | d | 60 x d |
| 5 | Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo cho mỗi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số | 60 | e | 60 x e |
|  | **Tổng cộng điểm** |  |  | **Xk,i** |

Số lượng (a,b,c,d,e) trên cơ sở thực trạng, nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các địa phương tổng hợp trong Đề án được Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt và Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành: 60% tổng vốn sự nghiệp của Dự án.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Theo phương pháp tính điểm của các tiêu chí như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hoá truyền thống cho mỗi dân tộc có khó khăn đặc thù | 50 | a | 50 x a |
| 2 | Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hoá di sản văn hoá truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số cho mỗi huyện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi | 10 | b | 10 x b |
| 3 | Tổ chức bảo tồn các loại hình văn hoá phi vật thể (mỗi lễ hội; mỗi mô hình văn hoá truyền thống; mỗi dự án nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn; mỗi làng văn hoá truyền thống; mỗi chương trình tuyên truyền, quảng bá văn hoá truyền thống, văn hoá các dân tộc thiểu số …) | 3,5 | c | 3,5 x c |
| 4 | Hỗ trợ mỗi nghệ nhân dân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hoá truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận | 0,6 | d | 0,6 x d |
| 5 | Tổ chức mỗi lớp tập huấn, truyền dạy, câu lạc bộ (mỗi lớp tập huấn, mỗi câu lạc bộ sinh hoạt văn hoá dân gian…) | 2 | e | 2 x e |
| 6 | Hỗ trợ hoạt động cho mỗi đội văn nghệ truyền thống | 0,5 | g | 0,5 x g |
| 7 | Xây dựng nội dung, xuất bản mỗi ấn phẩm xuất bản sách, đĩa, đĩa phim tư liệu về văn hoá truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số | 20 | h | 20 x h |
| 8 | Tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hoá, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số | 10 | i | 10 x i |
| 9 | Tổ chức mỗi hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các dân tộc thiểu số | 3 | k | 3 x k |
| 10 | Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho mỗi xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi | 0,3 | l | 0,3 x l |
| 11 | Hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi nhà văn hoá tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số | 0,3 | m | 0,3 x m |
| 12 | Hỗ trợ chống xuống cấp cho mỗi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số | 5 | n | 5 x n |
|  | **Tổng cộng điểm** |  |  | **Xk,i** |

Số lượng (a,b,c,d,e….) trên cơ sở thực trạng, nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các địa phương tổng hợp trong Đề án được Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt và Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình.